

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC NĂM 2014 VÀ
CHUYÊN ĐỀ VIỆC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “TÁI CƠ CẤU DNNN, TRỌNG
TÂM LÀ TẬP ĐOÀN KT, TCT NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011-2015”
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Hà Nội, tháng 9 năm 2015

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC NĂM 2014 VÀ CHUYÊN ĐỀ VIỆC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “TÁI CƠ CẤU DNNN, TRỌNG TÂM LÀ TẬP ĐOÀN KT, TCT NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011-2015” CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Thực hiện Quyết định số 359/QĐ-KTNN ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2014 và chuyên đề việc thực hiện Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015” của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam; Tổ kiểm toán số 04 thuộc Đoàn kiểm toán tại Tổng công ty Hàng hải Việt Nam của Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành VI đã tiến hành kiểm toán Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải từ ngày 08/4/2015 đến ngày 24/4/2015.

1. Nội dung kiểm toán

- Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014;
- Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, chế độ quản lý tài chính - kế toán, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản của Nhà nước;
- Đánh giá tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực trong quản lý, sử dụng đất đai, tài sản, vốn nhà nước, hiệu quả đầu tư vốn; kết quả thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/1/2014 của Chính phủ về một số giải pháp tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế trên cơ sở đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty. Sử dụng hợp lý và có hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách hành chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí; cải thiện môi trường kinh doanh; kết quả thực hiện việc thực hiện Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước ban hành theo Quyết định số 61/2013/QĐ-TTg ngày 25/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn

một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Đánh giá việc tuân thủ Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong xây dựng và thực hiện chương trình hành động phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm chống lãng phí;

- Đánh giá tình hình triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là Tổng công ty, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015 của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải.

2. Phạm vi và giới hạn kiểm toán

2.1. Phạm vi kiểm toán

- Thời kỳ được kiểm toán: Năm 2014 và các thời kỳ trước, sau có liên quan.

- Đơn vị được kiểm toán: Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải.

Tổ kiểm toán không thực hiện kiểm toán Chi nhánh Hà Nội.

2.2. Giới hạn kiểm toán

Tổ kiểm toán chỉ thực hiện kiểm toán trên cơ sở chứng từ, tài liệu, sổ kế toán do đơn vị cung cấp. Tổ KTNN không thực hiện kiểm toán báo cáo lưu chuyển tiền tệ; không kiểm toán chi nhánh Hà Nội, không chứng kiến việc kiểm kê tài sản, hàng tồn kho, sản phẩm dở dang, không chứng kiến việc đối chiếu xác nhận công nợ tại thời điểm 31/12/2014; không xác minh đối chiếu hoá đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua ngoài với nhà cung cấp; Các chỉ tiêu tổng hợp và hợp nhất của các đơn vị không kiểm toán được lấy theo số liệu báo cáo của đơn vị. Tổ KTNN chỉ thực hiện kiểm toán trên cơ sở hồ sơ, tài liệu đơn vị chịu trách nhiệm cung cấp. Đơn vị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc, tính chính xác, trung thực, khách quan của thông tin, tài liệu đã cung cấp cho Kiểm toán Nhà nước.

3. Căn cứ kiểm toán

- Luật Kiểm toán nhà nước, Luật Kế toán, các văn bản pháp luật về quản lý kinh tế, tài chính, kế toán và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

- Hệ thống chuẩn mực kiểm toán, Quy trình kiểm toán, Quy chế Tổ chức và hoạt động Đoàn kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước;

Báo cáo kiểm toán được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm toán, biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của kiểm toán viên, biên bản kiểm toán, Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải được lập ngày 26/3/2015 và các tài liệu có liên quan.

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

I. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
TÀI SẢN				
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (110=110+120+130+140+150)	100	139.564.934.915	139.774.357.617	209.422.702
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	59.592.063.490	13.542.063.490	(46.050.000.000)
1. Tiền	111	13.542.063.490	13.542.063.490	-
2. Các khoản tương đương tiền	112	46.050.000.000	-	(46.050.000.000)
II.Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12.036.553.400	58.086.553.400	46.050.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	12.972.283.094	59.022.283.094	46.050.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	(935.729.694)	(935.729.694)	-
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130	62.094.828.636	62.292.898.636	198.070.000
1. Phải thu khách hàng	131	31.048.937.416	31.247.007.416	198.070.000
2. Trả trước cho người bán	132	32.785.601.113	32.785.601.113	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134	-	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	905.517.835	905.517.835	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	(2.645.227.728)	(2.645.227.728)	-
IV.Hàng tồn kho	140	4.631.762.515	4.643.115.217	11.352.702
1. Hàng tồn kho	141	4.631.762.515	4.643.115.217	11.352.702
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-	-	-
V.Tài sản ngắn hạn khác	150	1.209.726.874	1.209.726.874	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	440.306.038	440.306.038	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	289.745.015	289.745.015	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	23.700.621	23.700.621	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	455.975.200	455.975.200	-
B.TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	109.580.146.050	109.523.000.105	(57.145.945)

I.Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	-	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	-	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	-	-	-
II.Tài sản cố định	220	70.834.924.608	70.777.778.663	(57.145.945)
1. Tài sản cố định hữu hình	221	29.604.039.694	29.546.893.749	(57.145.945)
- Nguyên giá	222	111.778.717.385	109.296.750.196	(2.481.967.189)
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(82.174.677.691)	(79.749.856.447)	2.424.821.244
2. Tài sản cố định thuê tài chính :	224	-	-	-
- Nguyên giá	225	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-	-
3. Tài sản cố định vô hình :	227	-	-	-
- Nguyên giá	228	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-	-	-
4. Chi phí xây dựng dở dang	230	41.230.884.914	41.230.884.914	-
III.Bất động sản đầu tư	240	-	-	-
- Nguyên giá	241	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242	-	-	-
IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	36.324.428.813	36.324.428.813	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	3.600.000.000	3.600.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	34.094.424.002	34.094.424.002	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư TC dài hạn	259	(1.369.995.189)	(1.369.995.189)	-
V.Tài sản dài hạn khác	260	2.420.792.629	2.420.792.629	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	1.670.563.054	1.670.563.054	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	750.229.575	750.229.575	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	249.145.080.965	249.297.357.722	152.276.757
NGUỒN VỐN:				
A.NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300	103.944.911.960	88.681.518.719	(15.263.393.241)
I.Nợ ngắn hạn	310	51.335.565.839	36.072.172.598	(15.263.393.241)
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	-	-	-
2. Phải trả người bán	312	15.276.348.617	15.276.348.617	-

3. Người mua trả tiền trước	313	21.980.097.717	387.747.717	(21.592.350.000)
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	3.641.708.332	9.970.665.091	6.328.956.759
5. Phải trả người lao động	315	5.965.106.053	5.965.106.053	-
6. Chi phí phải trả	316	1.957.606.449	1.957.606.449	-
7. Phải trả nội bộ	317	-	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318	-	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	1.409.809.043	1.409.809.043	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	1.104.889.628	1.104.889.628	-
II.Nợ dài hạn	330	52.609.346.121	52.609.346.121	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	52.339.563.292	52.339.563.292	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	-	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	269.782.829	269.782.829	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-	-
B.NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400	145.200.169.005	160.615.839.003	15.415.669.998
I.Vốn chủ sở hữu	410	145.200.169.005	160.615.839.003	15.415.669.998
1. Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	90.000.000.000	90.000.000.000	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20.000.000.000	20.000.000.000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	(20.000)	(20.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	2.746.758.303	2.746.758.303	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	6.000.000.000	6.000.000.000	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	26.453.430.702	41.869.100.700	15.415.669.998
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-	-
II.Nguồn vốn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-

1. Nguồn kinh phí	432	-	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	249.145.080.965	249.297.357.722	152.276.757

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

CHỈ TIÊU	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
1. Tài sản thuê ngoài.	001	-	-	-
2. Vật tư hàng hoá giữ hộ, nhận gia công	002	-	-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	003	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại	007	128.365	128.365	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	008	-	-	-

* Nguyên nhân chênh lệch:

TÀI SẢN TĂNG:		152.276.757 đ
1 Các khoản tương đương tiền giảm		46.050.000.000 đ
- Do phân loại lại khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng khi lập Báo cáo tài chính		46.050.000.000 đ
2 Đầu tư ngắn hạn tăng		46.050.000.000 đ
- Do phân loại lại khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng khi lập Báo cáo tài chính		46.050.000.000 đ
3 Phải thu khách hàng tăng		198.070.000 đ
- Do đơn vị chưa ghi nhận doanh thu đã đủ điều kiện		198.070.000 đ
4 Hàng tồn kho tăng		11.352.702 đ
- Do đơn vị chưa hạch toán giảm TSCĐ đã bàn giao cho SACA		11.352.702 đ
5 Nguyên giá tài sản cố định hữu hình giảm		2.481.967.189 đ
- Do đơn vị chưa hạch toán giảm TSCĐ đã bàn giao cho SACA		2.481.967.189 đ
6 Giá trị hao mòn TSCĐ hữu hình giảm		2.424.821.244 đ
- Do đơn vị chưa hạch toán giảm TSCĐ đã bàn giao cho SACA		2.424.821.244 đ
NGUỒN VỐN TĂNG:		152.276.757 đ
1 Người mua trả tiền trước giảm		21.592.350.000 đ
- Do đơn vị chưa ghi nhận doanh thu đã đủ điều kiện		21.592.350.000 đ
2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng		6.328.956.759 đ

- Do doanh thu chi phí thay đổi (tăng lãi, tăng thuế TNDN).	4.348.009.486 đ
- Giải thích tại biểu thuế.	1.980.947.273 đ
3 Lợi nhuận chưa phân phối tăng	15.415.669.998 đ
- Do kết quả kiểm toán thay đổi.	15.415.669.998 đ

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	01	242.391.368.843	262.200.841.570	19.809.472.727
2. Các khoản giảm trừ doanh thu.	02	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10=01-03)	10	242.391.368.843	262.200.841.570	19.809.472.727
4. Giá vốn hàng bán	11	218.094.369.180	218.140.162.423	45.793.243
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10-11)	20	24.296.999.663	44.060.679.147	19.763.679.484
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.499.513.703	3.499.513.703	-
7. Chi phí tài chính	22	213.626.571	213.626.571	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	75.670.000	75.670.000	-
8. Chi phí bán hàng	24	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.043.178.470	5.043.178.470	-
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30=20+(21-22)-(24+25))	30	22.539.708.325	42.303.387.809	19.763.679.484
11. Thu nhập khác	31	2.929.880.585	2.929.880.585	-
12. Chi phí khác	32	725.531.187	725.531.187	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	2.204.349.398	2.204.349.398	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	24.744.057.723	44.507.737.207	19.763.679.484
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.480.137.146	9.828.146.632	4.348.009.486
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TN doanh nghiệp	60	19.263.920.577	34.679.590.575	15.415.669.998
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	2.091	2.091	-

* Nguyên nhân chênh lệch:

1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng	19.809.472.727 đ
- Do đơn vị chưa ghi nhận doanh thu đã đủ điều kiện	19.809.472.727 đ

2	Giá vốn hàng bán tăng	45.793.243 đ
	- Do đơn vị chưa hạch toán giảm TSCĐ đã bàn giao cho SACA	45.793.243 đ
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng	4.348.009.486 đ
	- Do kết quả kiểm toán thay đổi	4.348.009.486 đ

3. Thực hiện nghĩa vụ với NSNN đến 31/12/2014

3.1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	23.700.621	23.700.621	-
1.Thuế GTGT	14.935.950	14.935.950	-
2.Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-
3.Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
4.Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
5.Thuế thu nhập cá nhân	8.764.671	8.764.671	-
6.Thuế tài nguyên	-	-	-
7.Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-
8.Các loại thuế khác	-	-	-
9. Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
II.Các khoản phải thu khác	-	-	-
1.Các khoản phụ thu	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	-	-	-
3. Các khoản khác	-	-	-
Tổng cộng =I+II	23.700.621	23.700.621	-
III. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-

3.2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	3.641.708.332	9.970.665.091	6.328.956.759
1.Thuế GTGT	306.324.031	2.287.271.304	1.980.947.273
2.Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-
3.Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
4.Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.129.536.403	7.477.545.889	4.348.009.486

5.Thuế thu nhập cá nhân	97.779.625	97.779.625	-
6.Thuế tài nguyên	-	-	-
7.Thuế nhà đất và tiền thuê đất	20.000.000	20.000.000	-
8.Các loại thuế khác	88.068.273	88.068.273	-
9. Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
II.Các khoản phải nộp khác	-	-	-
1.Các khoản phụ thu	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	-	-	-
3. Các khoản khác	-	-	-
Tổng cộng =I+II	3.641.708.332	9.970.665.091	6.328.956.759
III. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			

* Nguyên nhân chênh lệch:

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

1 Thuế giá trị gia tăng tăng	1.980.947.273 đ
- Do đơn vị chưa ghi nhận doanh thu đã đủ điều kiện	1.980.947.273 đ
2 Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng	4.348.009.486 đ
- Do kết quả kiểm toán thay đổi	4.348.009.486 đ

4. Về tính đúng đắn, trung thực của Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (Vimadeco), ngoại trừ phạm vi và giới hạn kiểm toán, sau khi điều chỉnh số liệu theo kết quả kiểm toán đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, nguồn vốn, kết quả kinh doanh và thu nộp Ngân sách Nhà nước.

II. VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT, CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

1. Quản lý tài chính, kế toán

1.1. Quản lý tài sản, nguồn vốn

1.1.1. Quản lý tài sản ngắn hạn

- *Tiền và các khoản tương đương tiền*: Số dư tiền và tương đương tiền tại thời điểm 31/12/2014 là 13.542 triệu đồng. Trong đó: tiền mặt là 1.774 triệu đồng, tiền gửi ngân hàng là 11.768 triệu đồng. Đơn vị đã mở sổ theo dõi và hạch toán đầy đủ, cuối năm có thực hiện kiểm kê quỹ và đối chiếu số dư với ngân hàng để lập Báo cáo tài chính. Tuy nhiên qua Kiểm toán còn tồn tại việc phân loại sai chỉ tiêu khi trình bày Báo cáo tài chính (theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC) như phân loại khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng vào chỉ tiêu các khoản tương đương tiền với số tiền là 46.050 triệu đồng.

- *Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn*: Số dư khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn tại 31/12/2014 là 59.022 triệu đồng. Trong đó, đầu tư chứng khoán ngắn hạn là 2.872 triệu đồng, đầu tư ngắn hạn khác là 56.150 triệu đồng bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống. Đơn vị đã mở sổ theo dõi và hạch toán đầy đủ. Qua kiểm toán, Tổ kiểm toán phát hiện những tồn tại sau:

+ Phản ánh nhầm tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống vào chỉ tiêu các khoản tương đương tiền số tiền 46.050 triệu đồng, do đó điều chỉnh lại số tiền này sang chỉ tiêu đầu tư ngắn hạn.

+ Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn: tính đến cuối năm 2014, giá trị ghi sổ khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của toàn công ty là 2.872 triệu đồng, bao gồm:

Cổ phiếu	Số lượng	Giá trị (đồng)
Công ty CP Hàng Hải Hà Nội (MHC)	3.027	86.815.067
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn (SSI)	8.200	383.929.077
Công ty CP Tập đoàn Hoa Sen (HSG)	720	32.000.000

Công ty CP vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ)	298	-
Công ty CP Thủy sản Bến Tre (ABT)	840	46.250.000
Công ty CP Nam Việt (ANV)	1.000	30.000.000
Công ty CP Cáp và Vật liệu Viễn thông (SAM)	1.400	10.430.000
Công ty CP Đại Lý Liên Hiệp vận chuyển (GMD)	3.300	203.749.750
Công ty CP Cơ điện lạnh (REE)	21.426	783.530.500
Công ty CP tập đoàn Hòa Phát (HPG)	1.980	58.290.000
Công ty CP đầu tư và phát triển Công nghệ FPT (FPT)	2.500	237.948.000
Tổng công ty CP dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS)	11.474	277.485.200
Công ty CP vận tải biển Vinaship (VNA)	15.000	272.760.500
Công ty CP vận tải biển Việt Nam	10.000	195.000.000
Công ty CP Sữa Việt Nam	6.750	254.096.000
Cộng		2.872.284.094

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn cuối năm 2014 đã số được xác định là lỗ và được đơn vị tính trích lập dự phòng giảm giá là 935,7 triệu đồng.

- Các khoản phải thu ngắn hạn: tại thời điểm 31/12/2014 gồm Phải thu khách hàng 31.247 triệu đồng, Trả trước cho người bán 32.785 triệu đồng, Các khoản phải thu khác 905 triệu đồng, Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi 2.645 triệu đồng. Về cơ bản, các khoản phải thu ngắn hạn được đơn vị quản lý và hạch toán theo từng đối tượng, cuối năm đơn vị đã thực hiện đối chiếu, xác nhận nợ phải thu nhưng chưa đầy đủ.

+ Phải thu khách hàng: Các khoản phải thu khách hàng đến thời điểm 31/12/2014 là 31.247 triệu đồng, chủ yếu là phải thu các khách hàng về cung cấp dầu, cho thuê bãi, khai thác depot... Nợ phải thu của Công ty chủ yếu là nợ luân chuyển trong hạn, ngoài ra có 3.332 triệu đồng là nợ quá hạn khó đòi, chiếm 10,66% tổng dư nợ phải thu, đây là các khoản nợ phải thu Công ty Cổ phần Vận tải Đông Đô – Cảng Hải Phòng, Công ty Cổ phần đường sắt phía nam, Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa... Qua kiểm toán cho thấy, tại thời điểm 31/12/2014, Công ty đã thực hiện đối chiếu, xác nhận nợ phải thu nhưng chưa được đầy đủ. Bên cạnh đó, Công ty chưa xây dựng và ban hành ban hành Quy chế quản lý các

khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ theo Quy chế Tài chính của Công ty và quy định tại điều 3 Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

- *Trả trước người bán:* Số dư tại 31/12/2014 là 32.785 triệu đồng, trong đó chủ yếu là số dư trả trước cho Công ty cổ phần Địa ốc 10 là 28.906 triệu đồng, Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Hiệp Hòa Phát 2.101 triệu đồng, Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Công trình xây dựng Hải Phòng 120 triệu đồng... Đơn vị đã mở sổ kế toán theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, cuối năm đã tiến hành đối chiếu, xác nhận công nợ. Tuy nhiên còn tồn tại:

Khoản công nợ giữa Vimadeco Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Địa ốc 10 còn tiềm ẩn một số rủi ro, cụ thể:

Theo quyết định số 777/KTST.QH ngày 22 tháng 01 năm 1999 của Kiến trúc sư trưởng TP. HCM v.v phê duyệt quy hoạch chi tiết cơ cấu sử dụng đất (1/2000) Dự án Khu đô thị Bắc Rạch Chiếc; Quyết định số 282/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ ngày 15 tháng 3 năm 2001 v.v giao đất để xây dựng hạ tầng kỹ thuật trục chính Khu dân cư Bắc Rạch Chiếc tại phường Phước Long A và phường Phước Bình, Quận 9, TP. HCM, Công ty Cổ phần Địa ốc 10 được giao 825.283 m² đất tại vị trí nói trên để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trục chính.

Công ty Phát triển hàng hải chi nhánh TP.HCM (nay là Công ty CP Phát triển hàng hải chi nhánh TP.HCM) đã ký Hợp đồng số 11/HĐKT ngày 27 tháng 5 năm 2002 và Hợp đồng số 03/HĐKT ngày 8 tháng 3 năm 2001 với Công ty Xây dựng và Dịch vụ nhà đất quận 10 (nay là Công ty Cổ phần Địa ốc 10) v.v tham gia đầu tư vào dự án Bắc Rạch Chiếc (2 dự án tạm gọi là Phước Long A và dự án Phước Bình). Từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, Chi nhánh đã góp kinh phí xây dựng hạ tầng trục chính cho Công ty Cổ phần Địa ốc 10 dựa trên các Biên bản đối chiếu hạng mục công việc hoàn thành (trong các giai đoạn từ 2005 – 2008) và các Biên bản làm việc, Công văn đề nghị chuyển tiền của Công ty Cổ phần Địa ốc 10 với tư cách là một nhà đầu tư thứ cấp của dự án. Theo số liệu báo cáo, tổng giá trị đã đóng góp cho Công ty Cổ phần Địa ốc 10 là 55.372 triệu đồng. Tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2014, Công ty Cổ phần Địa ốc 10 và Chi nhánh mới có các Biên bản đối chiếu khối lượng thi công giá trị là 26.465 triệu đồng làm cơ sở để chi nhánh hạch toán chi phí dự án, số tiền còn lại 28.906 triệu đồng Chi nhánh đang theo dõi trên tài khoản Trả trước cho người bán, tiềm ẩn

rủi ro không có khả năng được hoàn trả do hiện nay Công ty Cổ phần Địa ốc 10 khó có khả năng tiếp tục thực hiện việc xây dựng hạ tầng trực chính dở dang của dự án.

- *Các khoản phải thu khác*: Phải thu khác đến 31/12/2014 là 905 triệu đồng chủ yếu là các khoản phải thu về tiền lãi ngân hàng, phải thu về thuế TNCN, và các khoản phải thu khác...

- *Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi*: Công ty có chính sách về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo quy định tại thông tư 228/2009/TT-BTC. Số trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đến ngày 31/12/2014 là 2.645 triệu đồng cơ bản được hạch toán theo quy định.

- *Quản lý hàng tồn kho*: Hàng tồn kho đến 31/12/2014 là 4.643 triệu đồng, chủ yếu là nguyên, nhiên vật liệu 4.041 triệu đồng, hàng hóa 590 triệu đồng. Hàng tồn kho tại đơn vị được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Việc theo dõi hàng tồn kho được theo dõi cho từng mặt hàng, cuối năm đã kiểm kê để lập Báo cáo tài chính theo quy định. Công tác quản lý vật tư, hàng hóa của đơn vị cơ bản thực hiện theo đúng quy định.

- *Tài sản ngắn hạn khác*: tại ngày 31/12/2014 là 1.209 triệu đồng, trong đó chi phí trả trước ngắn hạn là 440 triệu đồng, thuế GTGT được khấu trừ là 289 triệu đồng, thuế và các khoản phải thu nhà nước là 23 triệu đồng, các khoản tạm ứng và ký quỹ ký cược ngắn hạn là 456 triệu đồng. Đơn vị đã mở sổ theo dõi và hạch toán đầy đủ theo quy định.

1.1.2. Quản lý tài sản dài hạn

- *Tài sản cố định*:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình theo số báo cáo tại ngày 31/12/2014 là 111.778 triệu đồng, trong đó chủ yếu là nhà cửa vật kiến trúc 64.345 triệu đồng, chiếm 61,71%; Máy móc thiết bị 24.334 triệu đồng, chiếm 23,33%; Phương tiện vận tải, truyền dẫn 13.487 triệu đồng, chiếm 12,93%; còn lại là thiết bị dụng cụ quản lý và TSCĐ khác 2.003 triệu đồng.

+ Đến 31/12/2014, nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn sử dụng là 42.759 triệu đồng, chiếm 41,01% tổng nguyên giá, chủ yếu là Nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị.

+ Tài sản cố định tăng trong năm là 8.728 triệu đồng, trong đó chủ yếu do mua sắm mới 8.403 triệu đồng. Tài sản giảm trong năm là 1.222 triệu đồng, toàn

bộ do thanh lý, nhượng bán. Về cơ bản, Công ty đã mở sổ kế toán, hạch toán kế toán và theo dõi chi tiết đến từng đối tượng TSCĐ. Việc tính và trích khấu hao TSCĐ được thực hiện theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 22/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Qua kiểm toán có một số tồn tại và lưu ý sau:

+ Năm 2014 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển hàng hải có đầu tư mua 3 xe đầu kéo, giá trị hợp đồng 3.108 triệu đồng (đã bao gồm VAT 10%). Hợp đồng được ký kết trên cơ sở chào hàng cạnh tranh rút gọn, lấy báo giá của 03 nhà cung cấp là chưa thực hiện đầy đủ theo quy định về Chào hàng cạnh tranh theo điều 57, 58, 59 Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014, có hiệu lực từ 1/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

+ Tại Chi nhánh TP.HCM chưa hạch toán thanh lý TSCĐ trên đất toàn bộ diện tích đất đã bàn giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACA (gọi tắt là SACA) với nguyên giá là 2.481 triệu đồng. Giá trị còn lại của phần diện tích này tới 31/12/2014 là 57 triệu đồng. Qua kiểm toán điều chỉnh như mục I “Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính”.

- *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*: Số dư tại 31/12/2014 là 41.230 triệu đồng, trong đó chủ yếu là chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí đóng góp xây dựng hạ tầng trực chính của 02 dự án tại khu đô thị Bắc Rạch Chiếc phường Phước Long và phường Phước Bình, Quận 9, TP.HCM. Về cơ bản các khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang được tập hợp, theo dõi, hạch toán theo quy định.

+ *Bố trí cơ cấu tài sản*: Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản năm 2013 là 57,30%, năm 2014 là 56,01%; Tài sản dài hạn /Tổng tài sản năm 2013 là 42,70%, năm 2014 là 43,99%.

- *Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*: Số dư cuối năm của các khoản đầu tư tài chính dài hạn là 36.324 triệu đồng, trong đó, đầu tư vào công ty liên doanh liên kết 3.600 triệu đồng là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng hải Hải Âu với tỷ lệ góp vốn là 30% vốn điều lệ theo Hợp đồng góp vốn số 01/VMD-ĐB/HĐGV/2011; Đầu tư dài hạn khác là 34.094 triệu đồng bao gồm khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Vinalines Logistics 500 triệu đồng và khoản đầu tư góp vốn vào công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines 33.594 triệu đồng theo thỏa thuận hợp tác đầu tư giữa Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và Công ty Cổ phần phát triển Hàng hải ngày 18/01/2008 (Công ty Cổ phần phát triển Hàng hải Việt Nam góp 20% vốn điều lệ, tương đương 60.000 triệu đồng).

Công ty đã thực hiện góp vốn đợt 1 bằng tiền vào ngày 22/7/2008 số tiền 18.500 triệu đồng và ngày 26/8/2008 số tiền 11.500 triệu đồng, và đợt 2 do chi nhánh công ty Cổ phần phát triển Hàng hải tại Vũng Tàu góp vốn bằng tài sản cố định là 3.572 triệu đồng.

Nhìn chung các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty được theo dõi và hạch toán theo chế độ quy định, tuy nhiên khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sửa chữa Tàu biển Vinalines tới nay chưa đem lại hiệu quả, tiềm ẩn khả năng mất vốn do Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines có khả năng giải thể; mặt khác khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng hải Hải Âu chưa phù hợp với xu thế phát triển của Công ty do Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng hải Hải Âu có ngành nghề sản xuất kinh doanh chính là kinh doanh, khai thác tàu lai dắt (Công ty không có chức năng kinh doanh lai dắt tàu biển).

Ngày 31/12/2014, công ty Cổ phần phát triển Hàng hải đã thành lập Hội đồng xác định mức trích lập các khoản dự phòng và xác định mức trích lập đối với khoản góp vốn dài hạn tại Công ty TNHH Sửa chữa Tàu biển Vinalines là 1.370 triệu đồng.

- *Tài sản dài hạn khác*: Giá trị tài sản dài hạn khác tại thời điểm 31/12/2014 là 2.421 triệu đồng, trong đó chi phí trả trước dài hạn là 1.670 triệu đồng (chủ yếu là chi phí sửa chữa bãi Nam Hòa), tài sản dài hạn khác là 750 triệu đồng (chủ yếu là các khoản đặt cọc, ký quỹ dài hạn). Đơn vị đã mở sổ theo dõi và hạch toán đầy đủ theo quy định.

1.1.3. Quản lý nợ phải trả

- *Phải trả người bán*: Số dư tại 31/12/2014 theo số báo cáo là 15.276 triệu đồng, chủ yếu là nợ luân chuyển. Đơn vị đã mở sổ hạch toán, theo dõi chi tiết các khoản phải trả theo từng đối tượng, cuối năm đã thực hiện đối chiếu, xác nhận tuy nhiên chưa đầy đủ.

- *Người mua trả tiền trước*: Số dư tại 31/12/2014 là 21.674 triệu đồng, trong đó chủ yếu là khoản tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của diện tích đất đã bàn giao cho SACA 21.592 triệu đồng. Đây là khoản doanh thu đủ điều kiện nhưng đơn vị chưa ghi nhận, qua kiểm toán điều chỉnh như mục I “Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính”.

- *Phải trả người lao động*: Đơn giá tiền lương được giao năm 2014 của Công ty là 280đ/1000đ Doanh thu tính lương (Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 292/2014/NQ-ĐH Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải). Trên cơ sở đó, năm 2014, Công ty đã trích Quỹ lương là 30.002 triệu đồng. Tổng số lao động bình quân năm 2014 là 210 người. Thu nhập bình quân

năm 2014 của CBCNV Công ty là 11,9 triệu đồng/người/tháng. Thu nhập bình quân của Tổng giám đốc Công ty là 56,5 triệu đồng/tháng, của Phó trưởng phòng tài chính kế toán là 32,4 triệu đồng/tháng.

- *Chi phí phải trả* cuối năm là 1.957 triệu đồng, chủ yếu là các khoản trích trước chi phí tiền thuê đất, chi phí phục vụ hoạt động khai thác bãi 1.542 triệu đồng. Về cơ bản chi phí phải trả được theo dõi, hạch toán theo quy định.

- *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*: tại 31/12/2014 có số dư 1.104 triệu đồng. Việc trích lập, sử dụng quỹ tuân theo quy chế quản lý tài chính đã được ban hành của HĐQT Công ty.

- *Doanh thu chưa thực hiện* 269 triệu đồng là khoản doanh thu cho thuê văn phòng tại chi nhánh TPHCM, đơn vị theo dõi, phân bổ, hạch toán theo quy định.

- *Phải trả dài hạn khác*: có số dư tại 31/12/2014 là 52.339 triệu đồng chủ yếu là nhận ký quỹ ký cược dài hạn là 1.085 triệu đồng và khoản tiền gốc và lãi vốn góp của CBCNV tại Vimadeco HCMC để thực hiện dự án khu nhà ở cán bộ công nhân viên tại phường Phước Bình 50.692 triệu đồng, cụ thể như sau:

Từ những năm 2000, khi nắm được thông tin về việc triển khai dự án xây dựng khu đô thị Bắc Rạch Chiếc của Tổng công ty Địa ốc Sài Gòn, Công đoàn VMD chi nhánh TP.HCM đã tổ chức thông báo tại Hội nghị Đoàn viên v.v kêu gọi các đoàn viên công đoàn trong Công ty đăng ký mua đất trong dự án kể trên. Theo Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tại 31/12/2014, Báo cáo tình hình cán bộ công nhân viên góp vốn dự án khu dân cư Bắc Rạch Chiếc năm 2012 của VMD HCM, tới 31/12/2014, có 54 CBCNV góp vốn, trị giá vốn góp 43.777 triệu đồng, tương ứng diện tích đăng ký mua đất là 30.000 m². Theo báo cáo, VMD đứng ra quản lý, theo dõi riêng biệt khoản vốn góp và các chi phí phát sinh liên quan đến dự án thay các CBCNV, theo dõi, hạch toán phần tiền vốn góp này như một khoản nợ phải trả CBCNV. Qua kiểm toán nhận thấy việc ghi nhận như vậy là chưa phù hợp, bởi những nguyên nhân sau:

i. Tại tất cả các văn bản pháp lý đều xác nhận Công ty Cổ phần phát triển hàng hải là chủ đầu tư của dự án: Công văn 1954/KTST-ĐB2 ngày 25/6/2001 của Kiến trúc sư trưởng thành phố gửi VMD HCM v.v thỏa thuận quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Khu nhà ở tại phường Phước Bình; Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT ngày 8/3/2001 giữa VMD và Công ty xây dựng và Dịch vụ nhà đất Quận 10 (chủ đầu tư dự án xây dựng hạ tầng trực chính khu dân cư Bắc Rạch Chiếc); Công văn số 876/CV-HĐQT Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ngày 27/7/2006 v.v đầu tư xây dựng khu nhà ở CBCNV tại khu dân cư Bắc Rạch Chiếc;

ii. Công ty không vay vốn của CBCNV, đây là những khoản tự nguyện đóng góp không phải với mục đích đầu tư tài chính sinh lời, mà là khoản đầu tư với mục đích nhận được diện tích đất đã đăng ký;

iii. Diện tích của Dự án Khu nhà ở CBCNV theo 3 văn bản pháp lý kê trên là 44.800 m²; trong khi đó diện tích đất đăng kí của 54 CBCNV là 30.000 m² do đó nguồn vốn góp của CBCNV không thể coi là nguồn vốn đầu tư của dự án.

Từ những nguyên nhân kể trên, Tổ kiểm toán cho rằng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải có tư cách là chủ đầu tư của dự án, các CBCNV có tư cách là các nhà đầu tư thứ cấp trong dự án, góp vốn bằng tiền đổi lấy quyền sử dụng đất khi dự án hoàn thành theo thỏa thuận. Tổ kiểm toán kiến nghị Công ty Cổ phần phát triển hàng hải hoàn thiện thủ tục pháp lý, ký kết các thỏa thuận Hợp tác đầu tư/Hợp đồng kinh tế với các CBCNV để bảo vệ quyền lợi, nghĩa vụ, hạn chế rủi ro cho cả VMD và các CBCNV.

Tiến độ dự án: Dự án đã có các cơ sở pháp lý khá chắc chắn: Phê duyệt quy hoạch 1/500 của Kiến trúc sư trưởng thành phố, các công văn của Sở Tài chính vật giá, UBND TP.HCM v/v phê duyệt phương án và đơn giá đền bù hạ tầng, giấy phép san lấp của UBND Quận 9...nên dự án đã thực hiện các công tác đền bù GPMB, san lấp, thi công, đo đạc thiết kế... với giá trị vốn góp tới 31/12/2014 là 42.615 triệu đồng. Tuy nhiên do chủ đầu tư xây dựng hạ tầng trực chính là Công ty xây dựng và dịch vụ nhà đất quận 10 hiện khó có khả năng hoàn thành việc xây dựng hạ tầng trực chính, do đó dự án đang bị đình trệ.

- Đánh giá các khoản nợ phải trả Công ty qua các chỉ tiêu:

+ Khả năng thanh toán:

. Khả năng thanh toán hiện hành: 2,81 lần, tăng 22,2% so với năm 2013

. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: 3,88 lần, tăng 53% so với năm 2013 (tăng 1,34 lần).

+ Khả năng cân đối vốn:

. Hệ số nợ (Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn): 0,36 lần giảm 22% với năm 2013.

. Hệ số tự tài trợ (1-Hệ số nợ): 0,64 lần.

1.1.4. Quản lý vốn chủ sở hữu

Công ty quản lý nguồn vốn chủ sở hữu theo Quy chế quản lý tài chính của Công ty và theo chế độ quy định hiện hành, hệ số an toàn vốn đảm bảo.

+ Tỷ suất tự tài trợ = Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn: Năm 2014 là 64,45%, so với năm 2013 là 56,48%, tăng 7,9%;

+ Hệ số an toàn vốn = Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 là 0,55 lần, giảm so với năm 2013 là 28,6% tương ứng 0,22 lần.

1.2. Quản lý doanh thu, thu nhập, chi phí và kết quả SXKD

1.2.1. Quản lý doanh thu, thu nhập

- *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*: Theo báo cáo, Doanh thu phát sinh năm 2014 của đơn vị là 242.391 triệu đồng, tăng 35.898 triệu đồng, tương ứng tăng 17,3% so với năm 2013. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty bao gồm Doanh thu từ Dịch vụ vận tải, Dịch vụ Khai thác cảng, Sửa chữa, bảo dưỡng Container, Dịch vụ đại lý, Dịch vụ cho thuê văn phòng.

Nhìn chung, đơn vị đã mở sổ sách theo dõi, hạch toán kế toán và quản lý cơ bản đầy đủ các khoản doanh thu theo quy định.

Tuy nhiên còn hạch toán thiếu khoản Doanh thu đủ điều kiện ghi nhận với SACA như Phần kết quả kiểm toán đã nêu.

- *Doanh thu hoạt động tài chính*: Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm 2014 là 3.499 triệu đồng, trong đó lãi tiền gửi tiền cho vay là 3.008 triệu đồng, cổ tức lợi nhuận được chia là 363,7 triệu đồng, lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện là 127,7 triệu đồng. Đơn vị đã mở sổ theo dõi và hạch toán đầy đủ theo quy định.

- *Thu nhập khác* năm 2014 của Công ty là 2.929 triệu đồng, bao gồm Các khoản thu thanh lý, nhượng bán tài sản, Khoản tăng thu nhập các khoản phải trả không xác định được chủ nợ theo Quyết định của Cục thuế Hải Phòng...

1.2.2. Quản lý giá thành và chi phí kinh doanh

- *Giá vốn hàng bán năm 2014* theo số báo cáo của đơn vị là 218.094 triệu đồng. Công ty thực hiện tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố trong đó:

* Phân theo loại hình dịch vụ: Giá vốn dịch vụ vận tải là 64.503 triệu đồng, chiếm 29,58%; giá vốn dịch vụ leasing container, khai thác kho bãi là 72.922 triệu đồng, chiếm 33,45%; giá vốn nhiên liệu đã cung cấp là 76.478 triệu đồng, chiếm 35,07%; giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng, dịch vụ đại lý tàu biển là 4.191 triệu đồng, chiếm 1,92%.

* Phân theo chi phí yếu tố: Chi phí tiền lương, BHXH là 31.676 triệu đồng, chiếm 14,52%; Chi phí nguyên, nhiên, vật liệu là 9.350 triệu đồng, chiếm 4,29%; Chi phí dịch vụ mua ngoài là 172.357 triệu đồng, chiếm 79,03%; Chi phí khấu hao TSCĐ là 4.711 triệu đồng, chiếm 2,16%...

* Giá vốn năm 2014 tăng 18,55% so với năm 2013 (218.094 triệu đồng/183.970 triệu đồng) là do một số nguyên nhân tăng, giảm chủ yếu sau:

+ Nguyên nhân tăng: Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 34.964 triệu đồng, với tỷ lệ là 25,55%, chủ yếu là do giá vốn nhiên liệu đã cung cấp, giá vốn dịch vụ vận tải là: 27.429 triệu đồng (do Chi nhánh Vũng Tàu đẩy mạnh việc phát triển thị trường, cung cấp nhiên liệu cho nhiều khách hàng mới, mở rộng dịch vụ vận tải hàng rời).

+ Nguyên nhân giảm: Chi phí nhiên liệu giảm 1.091 triệu đồng (tỷ lệ giảm 10,45%), chủ yếu là do giá dầu thế giới giảm sâu.

- *Chi phí tài chính*: Chi phí tài chính phát sinh trong năm là 213,6 triệu đồng, trong đó chi phí lãi vay là 75,7 triệu đồng, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư là 266,3 triệu đồng, hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư là -193,7 triệu đồng, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện là 65,3 triệu đồng và chi phí tài chính khác là 71 nghìn đồng. Đơn vị đã mở sổ theo dõi và hạch toán đầy đủ, đúng kỳ kế toán theo quy định của pháp luật.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: Năm 2014 là 5.043 triệu đồng, tăng 24% so với năm 2013. Qua chọn mẫu kiểm tra cho thấy đơn vị theo dõi, hạch toán và tập hợp hồ sơ chứng từ đầy đủ theo quy định.

- *Chi phí khác*: Năm 2014 là 725 triệu đồng chủ yếu là do thanh lý TSCĐ 284 triệu đồng, phạt kê khai chậm nộp thuế 135 triệu đồng. Đơn vị theo dõi, hạch toán và tập hợp hồ sơ chứng từ đầy đủ theo quy định.

1.2.3. Kết quả kinh doanh

Lợi nhuận trước thuế năm 2014 theo số báo cáo của đơn vị là 24.744 triệu đồng, tăng 6,38% so với năm 2013. Qua kiểm toán lợi nhuận trước thuế là 44.507 triệu đồng, chủ yếu do điều chỉnh tăng khoản doanh thu đủ điều kiện ghi nhận.

1.2.4. Tài khoản ngoài bảng

Năm 2014, tài khoản ngoài bảng mà công ty đang theo dõi là khoản tiền gửi không kỳ hạn 128.363,75 USD, đây là khoản tiền gửi lưu động mà công ty dùng để thanh toán với các đối tác nước ngoài. Đơn vị đã mở sổ theo dõi đầy đủ, cuối năm có đối chiếu xác nhận số dư với ngân hàng.

1.3. Việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN

Thuế và các khoản phải nộp NSNN tại 31/12/2014 theo số báo cáo là 3.641 triệu đồng trong đó chủ yếu là thuế TNDN 3.129 triệu đồng, thuế GTGT 306 triệu đồng, thuế TNCN là 97 triệu đồng, thuế nhà đất, tiền thuê đất 20 triệu

đồng, còn lại là các loại thuế khác. Công ty đã thực hiện kê khai, quyết toán các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định. Qua kiểm toán xác định các khoản phải nộp NSNN tăng thêm 6.328 triệu đồng, trong đó: Thuế GTGT là 1.980 triệu đồng, thuế TNDN là 4.348 triệu đồng.

1.4. Tổ chức công tác kế toán

Nhìn chung, tổ chức bộ máy kế toán của Công ty phù hợp với tổ chức bộ máy quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh, đơn vị đã chấp hành tương đối tốt các quy định của chế độ kế toán. Tuy nhiên, việc hạch toán kế toán còn một số thiếu sót đã được điều chỉnh, xác định lại theo kết quả kiểm toán.

2. Việc thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/1/2014 của Chính phủ về một số giải pháp tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế trên cơ sở đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty. Sử dụng hợp lý và có hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách hành chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí; cải thiện môi trường kinh doanh; Nghị quyết số 15/NQ-CP ngày 06/3/2013 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- Thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, công ty đã chủ động xây dựng các chương trình hành động như: Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp, lộ trình phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

3. Việc thực hiện Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước ban hành theo Quyết định số 61/2013/QĐ-TTg ngày 25/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước

- Chỉ tiêu 1: Doanh thu và thu nhập khác (bao gồm Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ + Doanh thu hoạt động tài chính + Thu nhập khác) là 268.743 triệu đồng, tăng 41,4 % so với Kế hoạch điều chỉnh, Xếp loại A;

- Chỉ tiêu 2: Tỷ suất lợi nhuận thực hiện (trước thuế) trên vốn chủ sở hữu: là 27,9% cao hơn kế hoạch 12,4%, Xếp loại A;

- Chỉ tiêu 3: Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn: Doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn, khả năng thanh toán nợ đến hạn 3,88 lần, Xếp loại A;

- Chỉ tiêu 4: Tình hình chấp hành chế độ, chính sách pháp luật: vi phạm hành chính về quản lý thuế (phạt chậm nộp thuế), Xếp loại C;

Xếp loại tổng thể: B.

4. Đánh giá việc tuân thủ pháp luật trong quản lý, sử dụng đất đai

Tổng diện tích đất Công ty quản lý đến 31/12/2014 là 97.292,3 m² được phân loại, quản lý đầy đủ, trong đó: 96.949,7 m² đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; còn lại 342,6 m² là nhà thuê đã có hợp đồng thuê đất của Công ty Kinh doanh quản lý nhà Hải Phòng. Công ty đã thực hiện quản lý, sử dụng đất đai phù hợp quy định hiện hành; đất chủ yếu sử dụng cho mục đích sản xuất, kinh doanh (xây dựng trụ sở văn phòng, làm kho bãi container...) phù hợp quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với NSNN về đất đai theo các thông báo nộp tiền thuê đất của các Chi cục thuế địa phương.

Qua kiểm toán, Tổ kiểm toán nhận thấy ngoài các lô đất kể trên, tại Xa lộ Hà Nội, đoạn cầu Rạch Chiếc – Ngã 4 Thủ Đức, nằm trong Dự án Khu dân cư Bắc Rạch Chiếc tại phường Phước Long A và phường Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty CP Phát triển hàng hải Chi nhánh TP. HCM đang quản lý, sử dụng 49.461 m² đất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh từ những năm 2000 đến nay nhưng chưa có các hồ sơ pháp lý về đất: hợp đồng thuê đất, quyết định cho thuê đất, Giấy CNQSDĐ... do đó chưa có cơ sở để giải quyết dứt điểm các thủ tục liên quan đối với diện tích kể trên (diện tích đất lấy theo quyết định của UBND Quận 9 gửi Sở Quy hoạch kiến trúc thành phố ngày 23/12/2004 v.v thỏa thuận quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Phường Phước Long A, Quận 9 để bổ sung hồ sơ xin giao đất).

Việc hoạt động sản xuất kinh doanh trên phần đất nêu trên có nguyên nhân như sau:

Năm 1997, Công ty Phát triển hàng hải thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng, san nền, đầu tư các hạng mục bãi container, nhà văn phòng, nhà kho xưởng, hàng rào, hệ thống điện, cấp thoát nước, PCCC... trên diện tích khoảng 30.000 m² phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (bãi container) theo quyết định số 753/QĐ-QLĐT của UBND TP. HCM chấp thuận cho Công ty Phát triển hàng hải được đầu tư xây dựng mở rộng một phần bãi container và xây dựng khu làm việc tại phường Phước Long A, Quận 9 và theo Quyết định số 240/HĐQT phê duyệt dự án khả thi mở rộng Cảng nội địa.

Tuy nhiên đến 22/1/1999, Kiến trúc sư trưởng TP. HCM có Quyết định số 777/KTST.QH v.v phê duyệt quy hoạch chi tiết cơ cấu sử dụng đất 1/2000 Dự

án khu đô thị Bắc Rạch Chiếc, Quận 9. Đồng thời ngày 15/3/2001, Thủ tướng Chính phủ có quyết định số 282/QĐ-TTth v.v giao đất cho Công ty Xây dựng và Dịch vụ nhà đất Quận 10 đầu tư hạ tầng trực chính của dự án Khu đô thị Bắc Rạch Chiếc. Theo đó phần diện tích đất Công ty đã được phê duyệt và xây dựng làm kho bãi container nằm trong quy hoạch 1/2000 phải chuyển công năng sang làm nhà ở theo quy hoạch mới được duyệt. Công ty đã ký hợp đồng số 11/HĐKD với Công ty XD và DVND Quận 10 v.v tham gia vào dự án khu đô thị Bắc Rạch Chiếc và đã đóng góp kinh phí đúng theo tiến độ. Tuy nhiên theo Quyết định 282/QĐ-TTg, sau khi Công ty XD và DVND quận 10 xây dựng xong hạ tầng kỹ thuật trực chính khu dân cư sẽ bàn giao toàn bộ diện tích đất cho UBND TP.HCM để UBND TP.HCM giao đất, cho thuê đất đối với các nhà đầu tư thứ cấp (trong đó có Công ty). Đến thời điểm 31/12/2014, Công ty XD và DVND Quận 10 chưa hoàn thành việc xây dựng hạ tầng trực chính, chưa bàn giao đất cho UBND TP.HCM. Do đó UBND TP.HCM chưa tiến hành các thủ tục cho thuê đất, ký hợp đồng thuê đất.

Tổ kiểm toán không có cơ sở xác định cụ thể số tiền thuê đất phải nộp của Công ty. Tổ kiểm toán kiến nghị Công ty phối hợp với UBND TP.HCM, Sở Tài chính TP.HCM, Chi cục thuế TP.HCM rà soát, tính toán để Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với NSNN, lưu ý bồi thường tiền đền bù giải phóng mặt bằng và giá trị tài sản công ty đã đầu tư trên lô đất khi lô đất trên được chuyển đổi công năng. Mặt khác, tổ kiểm toán đề nghị Công ty có phương án tìm lô đất khác phù hợp để thay thế, đảm bảo hoạt động kinh doanh kho bãi được liên tục và hiệu quả.

5. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu

5.1. Thông tin đề án và thực hiện đề án:

Ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải đã có Văn bản 198/2013/BC-TCC gửi Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Những thông tin chính về đề án là:

+ Tái cơ cấu ngành nghề kinh doanh: Giữ vững hoạt động SXKD chính là dịch vụ hàng hải và hoạt động hỗ trợ, dịch vụ logistics, chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng, trung tâm logistics, trang thiết bị phụ trợ trong điều kiện cho phép phục vụ yêu cầu SXKD và thị trường, mở rộng từng bước quy mô SXKD.

+ Tổ chức lại SXKD và tái cơ cấu đầu tư: Công ty thường xuyên cập nhật và bám sát tiến độ và kế hoạch đầu tư các dự án của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam cùng các doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty, đặc biệt chú trọng đến các dự

án xây dựng cảng tại các khu vực trọng điểm của ngành hàng hải như Hải Phòng, Tp.HCM, Bà Rịa Vũng Tàu để xây dựng kế hoạch và tiến độ đầu tư phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

+ Tái cơ cấu tài chính: Lành mạnh hoá và nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo cơ cấu tài chính và dòng tiền lành mạnh tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững của Công ty trong giai đoạn này, làm tiền đề cho các giai đoạn phát triển tiếp theo. Đánh giá lại yêu cầu và định hướng mở rộng SXKD và phát triển của Công ty để xác định vốn điều lệ cần thiết cho sự phát triển và nguồn đảm bảo với dự kiến cho từng giai đoạn.

+ Tái cơ cấu nguồn nhân lực: Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các Nội quy, Quy chế tuyển dụng và đào tạo, quản lý và sử dụng nguồn nhân lực.

+ Tái cơ cấu quản trị doanh nghiệp: Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, công tác quản trị doanh nghiệp để hướng doanh nghiệp đến sự phát triển bền vững.

5.2. Kết quả công tác chuẩn bị, tham gia, phối hợp xây dựng phương án tái cơ cấu của đơn vị:

+ Thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các văn bản: Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013, công văn số 2342/TTg-ĐMDN ngày 21/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung một số nội dung trong đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam; Thực hiện các Quyết định, văn bản chỉ đạo điều hành của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về thực hiện Đề án Tái cơ cấu DNNN, Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải đã lập Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp gửi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tháng 3 năm 2013. Đến thời điểm 31/12/2014, Công ty vẫn đang chờ Tổng Công ty phê duyệt Đề án tái cơ cấu của Công ty.

5.3. Tình hình thực hiện đề án tái cơ cấu của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

+ Những mặt làm được:

- Đã đưa ra được những biện pháp chủ đạo tập trung phát triển ngành nghề kinh doanh chính

- Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 90 tỷ đồng vào năm 2014

+ Những mặt chưa làm được:

- Còn tồn tại các khoản đầu tư vào Công ty Liên kết, liên doanh không hiệu quả.

- Chưa xây dựng phương án cụ thể nhằm nâng cao vai trò quản trị tài chính tại Công ty, rà soát lại các công cụ quản trị, báo cáo tài chính hiện nay, phân tích những tồn tại, bất cập để có hướng khắc phục; tổ chức xây dựng, sửa đổi hệ thống giám sát tài chính từ Công ty tới các Chi nhánh, các doanh nghiệp liên kết để phát hiện kịp thời và ngăn ngừa các sai phạm trong tài chính.

- Chưa kiên quyết sắp xếp, cơ cấu lại các khoản đầu tư không hiệu quả

- Đề án TCC chưa nêu cụ thể lộ trình, phương án phát triển nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty

5.4. Kết quả đạt được sau thực hiện tái cơ cấu

Năm 2013 và 2014 doanh thu tăng bình quân 15%/năm, lợi nhuận tăng bình quân 9%/năm.

Công ty đã duy trì sự ổn định, giữ vững hoạt động SXKD chính là dịch vụ hàng hải và hoạt động hỗ trợ với doanh thu tăng trưởng bình quân 15%/năm, lợi nhuận tăng bình quân 9%/năm, phát triển được thị trường và khách hàng, nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ và tăng năng lực cạnh tranh; tăng quy mô Công ty trên thị trường thông qua việc tăng vốn điều lệ Công ty từ 60 tỷ đồng lên 90 tỷ đồng trong năm 2014.

6. Đánh giá việc tuân thủ Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong xây dựng, ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong hoạt động của đơn vị

Về cơ bản, Công ty đã tuân thủ Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong xây dựng, ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong hoạt động của đơn vị.

Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tập trung chủ yếu vào các mặt: Thu chi tài chính; quản lý đất đai, xây dựng cơ bản; chế độ tiền lương, thưởng đối với người lao động,... nhằm ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời

các hành vi lãng phí; công ty thực hiện phân cấp, trách nhiệm cá nhân của các chức danh lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh.

III. TÍNH KINH TẾ, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý và ban hành các quy định nội bộ để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Khả năng thanh toán đảm bảo, Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn. Thực hiện việc kiểm soát, giám sát và điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu lực, quản lý sử dụng vốn trong SXKD có hiệu quả.

Đánh giá hoạt động của Công ty qua một số chỉ tiêu sau:

* Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Lợi nhuận trước thuế năm 2014 là 44.507 triệu đồng, so với năm 2013 tăng thêm 21.769 triệu đồng, tương ứng tăng 94,36%;

- Mức độ bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn = $\frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty}}$ = $\frac{160.874 \text{ triệu đồng}}{90.000 \text{ triệu đồng}}$ = 1,79 lần.

- Mức độ bảo toàn và phát triển vốn:

$H = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu năm 2014}}{\text{Vốn chủ sở hữu năm 2013}}$ = $\frac{160.874 \text{ triệu đồng}}{145.200 \text{ triệu đồng}}$ = 1,11 lần.

Qua phân tích các chỉ tiêu cho thấy, Công ty đã bảo toàn, phát triển được vốn.

* Hiệu suất sử dụng vốn

- Hệ số nợ (D/A) = $\frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Tổng tài sản}}$: Năm 2014 là 0,35 lần, giảm 0,07 lần so với năm 2013.

- Tỷ suất tự tài trợ = $\left(\frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng nguồn vốn}}\right) \times 100 \%$: năm 2014 là 64,45%; năm 2013 là 56,48%.

* Nhu cầu vốn lưu động

- Nhu cầu tiền mặt = Tiền và các khoản tương đương tiền - Nợ ngắn hạn: năm 2014 thiếu khoảng 22.603 triệu đồng;

- Nhu cầu vốn lưu động = Tài sản ngắn hạn - Tiền và các khoản tương đương tiền - Nợ ngắn hạn: Năm 2014 thiếu khoảng 126.563 triệu đồng;

** Hiệu quả sử dụng lao động:*

Lợi nhuận bình quân tính cho 1 lao động = Lợi nhuận trong kì/ Tổng số lao động bình quân trong kỳ năm 2014 là 213 triệu đồng, tăng 100% so với năm 2013 (107 triệu đồng).

Về cơ bản năm 2014 Công ty kinh doanh có hiệu quả tuy nhiên còn một số tồn tại:

- Các khoản đầu tư tài chính:

+ Đầu tư chứng khoán còn dàn trải, đa số các khoản đầu tư đều lỗ.

+ Khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines tiềm ẩn nguy cơ mất vốn.

+ Khoản góp vốn vào Công ty liên kết chưa thực sự sát với ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

- Các dự án đầu tư:

+ Dự án khu nhà ở Cán bộ công nhân viên tại phường Phước Bình: chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý, ký kết các thỏa thuận hợp tác đầu tư/hợp đồng kinh tế với các CBCNV dẫn đến tiềm ẩn rủi ro về trách nhiệm của Công ty cũng như rủi ro tài chính đối với các CBCNV.

- Các khoản công nợ phải thu: tiềm ẩn khả năng không thu hồi được các khoản ứng trước tiền xây dựng hạ tầng trực chính khu đô thị Bắc Rạch Chiếc đối với Công ty Cổ phần địa ốc 10 do hiện nay Công ty cổ phần địa ốc 10 khó có khả năng tiếp tục thực hiện dự án.

PHẦN THỨ HAI

KIẾN NGHỊ

1. Đối với Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải Việt Nam:

1.1. Kiến nghị điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo tài chính

Đề nghị Công ty điều chỉnh sổ kế toán và Báo cáo tài chính năm 2014 theo kết quả kiểm toán tại mục I “Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính” của Báo cáo kiểm toán.

1.2. Kiến nghị về xử lý tài chính

Nộp kịp thời số thuế qua kiểm toán phát hiện tăng thêm là 6.328.956.759 đồng vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Thuế GTGT: 1.980.947.273 đồng
- Thuế TNDN: 4.348.009.486 đồng

1.3. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán

- Xây dựng quy chế quản lý nợ tại Công ty theo đúng hướng dẫn tại điều 3 Thông tư 228/2009/TT-BTC;

- Làm việc với Cán bộ công nhân viên về việc quản lý dự án nhà ở Bắc Rạch Chiếc đảm bảo đúng quy định, cũng như đảm bảo quyền lợi của Công ty và cán bộ công nhân viên;

- Có lộ trình thoái vốn các khoản đầu tư chứng khoán, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng hải Hải Âu để tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính.

1.4. Kiến nghị đối với công tác quản lý đất đai

Khi dự án Bắc Rạch Chiếc được chuyển đổi công năng, đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về đất đối với lô đất Công ty đã và đang sử dụng.

2. Đối với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

Thông qua người đại diện chi đạo Công ty thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

* * *

Đề nghị Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và báo cáo kết quả thực hiện về Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam để tổng hợp báo cáo Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành VI, địa chỉ: số 111 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội trước ngày 31/12/2015... Riêng kiến nghị tăng thu NSNN số tiền 6.328.956.759 đồng chỉ thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện về Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam để tổng hợp báo cáo Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành VI, địa chỉ: số 111 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội khi Kiểm toán Nhà nước có Công văn gửi Kho bạc Nhà nước và đơn vị được kiểm toán.

Báo cáo kiểm toán này gồm 28 trang, từ trang 01 đến trang 28 và Phụ lục số 01/BCKT-TKT-DN là bộ phận không tách rời của Báo cáo kiểm toán./.

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TOÁN



Nguyễn Quang Trung

Số hiệu thẻ KTVNN: C 0435 KTV

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải;
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam;
- Tổ kiểm toán;
- Lưu: HSKT.

TRƯỞNG ĐOÀN KTNN



Lê Minh Nam

Số hiệu thẻ KTVNN: B 0155 KTVC

**TL. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN TRƯỞNG KTNN CHUYÊN NGÀNH VI**




Nguyễn Anh Tuấn

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU NĂM 2015
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Đơn vị tính: đồng

STT	Chi tiêu	Số tiền	Ghi chú
A	B	1	2
I	Các khoản phải nộp NSNN	6.328.956.759	
1	Thuế GTGT	1.980.947.273	
2	Thuế TNDN	4.348.009.486	
3	Thuế XNK		
4	Thuế TTĐB		
5	Thuế nhà đất		
6	Thuế TNCN		
7	Thuế tài nguyên		
8	Thuế khác		
9	Phí, lệ phí		
10	Thu khác		
11	Kinh phí thừa		
12	Xuất toán thu hồi nộp NSNN		
-	Chi thường xuyên		
-	Chi XD CB		
II	Giảm thanh toán		
1	Chi thường xuyên		
2	Chi XD CB		
III	Giảm trừ dự toán		
1	Chi thường xuyên		
2	Chi xây dựng cơ bản		
IV	Các khoản giảm chi khác		